TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN CẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST Ngày 13-6-2019 V/v tranh chấp về ly hôn, về nuôi con	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trang Thái Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Hoàng Quy;

Ông Nguyễn Văn Tẻo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Danh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đ1 diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Lưỡng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019 về việc "Tranh chấp về ly hôn, về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: chị Trần Thị Minh M, sinh năm 1986.

Địa chỉ: thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

2. *Bị đơn*: anh Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp X1, xã Y1, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28-02-2019 và trong quá trình làm việc, nguyên đơn chị Trần Minh M đã khai: Chị và anh Nguyễn Trọng Đ tự nguyện chung sống vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Y1, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 59 ngày 31-12-2009. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi chị sinh con thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ thường xuyên uống rượu, có hành vi bạo lực gia đình; ngoài ra còn bất đồng về quản lý tiền bạc, từ đó làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên ly thân từ tháng 5-2014 cho đến nay. Xét thấy

tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và thời gian ly thân đã lâu nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Trọng Đ.

- Về con chung: Chị và anh Đ có một con chung tên Nguyễn Trọng Đ1, sinh ngày 28-9-2010, hiện đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ1, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị và anh Đ không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Chị cam kết chị và anh Đ không có nợ ai.

Bị đơn anh Nguyễn Trọng Đ đã khai: Về quan hệ hôn nhân và nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng anh thống nhất như lời trình bày của chị M. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và thời gian ly thân đã lâu nên anh chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M. Về con chung, anh và chị M có một con chung tên Nguyễn Trọng Đ1, sinh ngày 28-9-2010, hiện đang sống với chị Mẫu, anh thống nhất giao cháu Đ1 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng theo qui định pháp luật. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Kiểm sát viên không phát hiện vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Trần Thị Minh M đối với anh Nguyễn Trọng Đ. Về án phí: Buộc chị Trần Thị Minh M phải chịu án phí theo qui định của pháp luật, anh Nguyễn Trọng Đ không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Chị Trần Thị Minh M có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu giải quyết hôn nhân giữa chị M và anh Nguyễn Trọng Đ, anh Đ có nơi cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu theo qui định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết, chị M và anh Đ đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó áp dụng khoản 1 Điều 228 và khoản 1

Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng qui định.

[2]. Về hôn nhân: Xét thấy, chị Trần Thị Minh M và anh Nguyễn Trọng Đ sống chung vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 59 năm 2009 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung, chị M và anh Đ đều thừa nhận có phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hòa giải và thời gian ly thân kéo dài. Trong quá trình giải quyết, Tòa án tiến hành hòa giải Đ tạo điều kiện cho chị M và anh Đ hàn gắn, đoàn tụ nhưng anh Đ có đơn đề nghị hoà giải và xét xử vắng mặt, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M. Do đó, hôn nhân giữa chị M và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị M đối với anh Đ là có cơ sở chấp nhận theo qui định tại Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình.

[3]. Về con chung: Chị M và anh Đ thống một con chung tên Nguyễn Trọng Đ1, sinh ngày 28-9-2010. Chị M và anh Đ thỏa thuận giao cháu Đ1 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, chị M không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ ngày ly thân chị M chăm sóc con tốt, đảm bảo các điều kiện cho con và việc thỏa thuận giữa chị M và anh Đ phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ1. Do đó, giao cháu Đ1 cho chị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với qui định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình và Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh Đ không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh Đ không phải chịu án phí theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Thanh M đối với anh Nguyễn Trọng Đ. Chị M được ly hôn với anh Đ.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trọng Đ1, sinh ngày 28-9-2010 cho chị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị M không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được cản trở anh Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị M và anh Đ không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Thanh M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, cho khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0021868 ngày 28-02-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Anh Nguyễn Trọng Đ không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Trần Thị Thanh M và anh Nguyễn Trọng Đ có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Y1 (lưu);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Trang Thái Châu